

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**NGUYỄN HUY BÉ**

**KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG  
CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM,  
CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

**Mã số: 60.34.20**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng - Năm 2015**

**Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. TRƯỜNG BÁ THANH**

**Phản biện 1: TS. HỒ HỮU TIẾN**

**Phản biện 2: PGS.TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh, học tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 04 năm 2015

***Có thể tìm hiểu luận văn tại:***

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Cho vay KHCN là mảng rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của hệ thống Ngân hàng bán lẻ. Các Ngân hàng thương mại đang có xu hướng chuyển sang tiếp cận cho vay vốn đối với khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cùng với những mặt tích cực từ khi chuyển đổi mô hình mới, cũng thấy phát sinh nhiều vấn đề về rủi ro trong công tác cho vay đó là vấn đề nợ xấu tăng cao, các khoản nợ sắp tới hạn có nguy cơ thành nợ xấu, Ngân hàng đang đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn... Chính vì vậy, yêu cầu cấp bách đặt ra là rủi ro tín dụng phải được quản lý, kiểm soát một cách bài bản và có hiệu quả, giảm thiểu các thiệt hại phát sinh và tăng thêm lợi nhuận kinh doanh của ngân hàng, góp phần nâng cao uy tín và tạo ra lợi thế cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng đối với sự phát triển của các ngân hàng thương mại, kết hợp với thực tế thu nhận từ quá trình công tác tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông. Tôi đã chọn đề tài: “***Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông***”

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

- Làm sáng tỏ những lý luận chung về RRTD và kiểm soát RRTD trong cho vay khách hàng cá nhân của NHTM

- Đánh giá thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông.

- Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm hạn chế rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN tại Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông giai đoạn ba năm từ năm 2011 – 2013.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Thu thập, tổng hợp các số liệu thực tế về hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông, thông tin được chọn lọc từ sách báo, Internet và các tạp chí chuyên ngành. Trên cơ sở thông tin thực tế đã tổng hợp, tác giả sử dụng phương pháp so sánh thống kê, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích điểm mạnh điểm yếu...

### **5. Kết cấu luận văn**

Ngoài Lời mở đầu và Kết luận, nội dung luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận cơ bản về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân của các Ngân hàng Thương mại.

**Chương 2:** Thực trạng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông.

**Chương 3:** Giải pháp hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông.

## **CHƯƠNG 1**

# **LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

## **1.1 HOẠT ĐỘNG CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

### **1.1.1 Khái niệm cho vay khách hàng cá nhân của Ngân hàng Thương mại**

Tín dụng cá nhân là hình thức tín dụng mà trong đó NHTM đóng vai trò là người chuyển nhượng quyền sử dụng vốn của mình cho khách hàng cá nhân hoặc hộ gia đình sử dụng trong một thời hạn nhất định phải hoàn trả cả gốc và lãi với mục đích phục vụ đời sống hoặc phục vụ sản xuất kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể.

### **1.1.2 Đặc điểm cho vay khách hàng cá nhân**

- Quy mô mỗi khoản vay nhỏ, số lượng các khoản vay lớn
- Tín dụng cá nhân thường dẫn đến các rủi ro
- Tín dụng cá nhân gây tốn kém nhiều chi phí

### **1.1.3 Phân loại cho vay khách hàng cá nhân**

- Căn cứ vào mục đích cho vay
- Căn cứ vào thời hạn cho vay
- Căn cứ theo hình thức bảo đảm
- Căn cứ theo phương thức cho vay
- Căn cứ vào phương thức hoàn trả

## **1.2 RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

### **1.2.1 Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân**

Rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN là khả năng xảy ra những thiệt hại, mất mát và tổn thất về tài chính mà ngân hàng gánh chịu do KHCN không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng tín

dụng, với biểu hiện cụ thể là khách hàng chậm trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc không trả nợ khi đến hạn các khoản gốc và lãi.

### **1.2.2 Phân loại rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân**

*a. Theo nội dung quản lý tín dụng*

*b. Theo nguyên nhân phát sinh*

### **1.2.3 Đặc điểm rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân của ngân hàng thương mại**

- Rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN mang tính tất yếu
- Rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN mang tính gián tiếp
- Rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN rất đa dạng, phức tạp
- Rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN khó giám sát

### **1.2.4 Hậu quả của rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân**

- Đối với ngân hàng
- Đối với khách hàng
- Đối với kinh tế - xã hội

## **1.3 KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

### **1.3.1 Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng cho vay khách hàng cá nhân**

Kiểm soát rủi ro tín dụng: Là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm chủ động điều khiển, biến đổi rủi ro tín dụng tại một ngân hàng bằng cách kiểm soát tần suất, mức độ rủi ro.

### **1.3.2 Mục tiêu của kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân**

- Kiểm soát được mức độ thiệt hại RRTD trong giới hạn đề ra.
- Đảm bảo hoạt động kinh doanh của ngân hàng được an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững trong điều kiện thị trường đầy biến động, nguy cơ rủi ro ngày một gia tăng.

- Thực hiện đúng quy định của nhà nước và của pháp luật hiện hành.

### **1.3.3 Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng**

- Né tránh rủi ro
- Ngăn ngừa rủi ro
- Giảm thiểu tổn thất do rủi ro cho vay gây ra
- Chuyển giao rủi ro
- Đa dạng hóa rủi ro

### **1.3.4 Các tiêu chí phản ánh kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân**

- Tỷ lệ nợ quá hạn
- Chỉ tiêu Khách hàng có nợ quá hạn
- Sự thay đổi cơ cấu dư nợ theo mức độ rủi ro tín dụng
- Chỉ tiêu về mức giảm tỷ lệ nợ xấu
- Chỉ tiêu tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể
- Chỉ tiêu về mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng
- Các chỉ tiêu phân tán rủi ro

### **1.3.5 Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân của ngân hàng thương mại**

*a. Nhân tố bên ngoài*

*b. Nhân tố bên trong*

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

**CHƯƠNG 2**  
**THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO**  
**VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG**  
**MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH**  
**ĐẮK NÔNG**

**2.1 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ**  
**PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG**

**2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển**

**2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ**

**2.1.3 Cơ cấu tổ chức và quản lý**

**2.1.4 Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương**  
**mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông**

*a. Kết quả hoạt động kinh doanh*

*b. Công tác huy động vốn*

*c. Công tác cho vay*

**2.2 THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG**  
**CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG**  
**THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI**  
**NHÁNH ĐẮK NÔNG**

**2.2.1 Mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách**  
**hàng cá nhân tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương**  
**Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông**

- Thực hiện thu nợ, giám sát khoản vay, không để phát sinh nợ quá hạn.
- Kiểm soát chặt chẽ từng khoản vay, không để nợ nhóm 2, nợ xấu phát sinh. Kiểm soát tỷ lệ nợ xấu KHCN dưới 3% so với tổng nợ xấu đến năm 2013 và đến 2015 kiểm soát nợ xấu KHCN dưới 2% so với tổng nợ xấu.

- Tích cực thu hồi nợ nhóm 2, nợ xấu.



- Trích đúng và trích đủ quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của ngân hàng nhà nước.

- Đảm bảo đủ nguồn dự phòng rủi ro để bù đắp rủi ro tín dụng.

### **2.2.2 Các biện pháp thực hiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân**

#### ***a. Công tác tổ chức bộ máy quản lý rủi ro tín dụng***

Tổ chức vận hành công tác quản lý RRTD tập trung đầu mối vào phòng Quản lý rủi ro và Ban giám đốc. Rủi ro về nợ có vấn đề chịu sự giám sát của phòng Quản lý rủi ro và hướng dẫn chỉ đạo trực tiếp từ Ban giám đốc, đồng thời có liên hệ trực tuyến với Hội sở.

Quản lý tín dụng (hồ sơ tín dụng, hợp đồng tín dụng, tài liệu, tài sản đảm bảo và bảo lãnh): Hiện nay, chi nhánh đang sử dụng ứng dụng ECM với chương trình quản lý hồ sơ tín dụng điện tử được triển khai trên hệ thống của Ngân hàng Vietinbank. Nhưng do công việc quá nhiều, cán bộ tín dụng không thể đưa hồ sơ lên ICDOC kịp thời phục vụ công tác kiểm soát rủi ro tín dụng.

#### ***b. Chính sách tín dụng***

##### **Chính sách quản lý giới hạn tín dụng**

Về tiêu chuẩn, điều kiện cấp giới hạn tín dụng, chi nhánh tuân thủ theo tiêu chuẩn và điều kiện của Vietinbank và luôn tuân thủ theo đúng quy định về an toàn tín dụng của NHNN. Chi nhánh đã thực hiện cấp giới hạn tín dụng toàn bộ khách hàng. Theo quy định của Vietinbank, đầu năm tài chính Vietinbank sẽ xem xét đề nghị và cấp giới hạn tín dụng của khách hàng và chủ động cấp giới hạn tín dụng cho các khách hàng tiềm năng trên cơ sở lượng hóa rủi ro đối với từng khoản vay thông qua hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng KHCN.

Từ khi bước vào hoạt động cho đến nay, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông đã thu hút được lượng khách

hàng ngày càng đông đảo, nó phản ánh sự phát triển của chi nhánh nhưng bên cạnh đó là tiềm ẩn về rủi ro tín dụng cần được chú ý.

**Bảng 2.5: Biến động số lượng khách hàng nợ nhóm 2 đến nhóm 5, nợ xấu của KHCN giai đoạn năm 2011 - 2013**

*Đơn vị tính: Khách hàng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Chênh lệch, %			
				2012/2011		2013/2012	
				KH	%	KH	%
Nhóm 1	214	642	1.222	428	200%	580	90%
Nhóm 2		-	2	-		2	
Nhóm 3		1	2	1		1	100%
Nhóm 4		1	2	1		1	100%
Nhóm 5			1	-		1	
<b>Tổng số KH</b>	<b>214</b>	<b>644</b>	<b>1229</b>	<b>430</b>		<b>585</b>	

*(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)*

#### Phân quyền phán quyết tín dụng

- Hội đồng tín dụng được quyết định các khoản tín dụng có giá trị từ 70% đến 100% mức ủy quyền Vietinbank cấp cho chi nhánh; Ban giám đốc: Phê duyệt các khoản tín dụng trong mức ủy quyền phán quyết Vietinbank giao.

- Hạn mức tín dụng: Đối với một khách hàng, ban lãnh đạo chi nhánh được ủy quyền mức phán quyết là 7 tỷ đồng đối với cá nhân, hộ gia đình. Đối với một nhóm khách hàng, mức ủy quyền phán quyết sẽ không được vượt quá 10% dư nợ của chi nhánh tại thời điểm cấp tín dụng. Trong giai đoạn từ năm 2011 - 2013, tại chi nhánh không có việc cấp tín dụng sai thẩm quyền và mức ủy quyền phán quyết (theo biên bản kiểm tra hoạt động tín dụng Vietinbank – Đắk Nông năm 2011-2013).

### ✚ Chuyển giao rủi ro

Vietinbank – Đắk Nông hiện nay áp dụng đối với cho vay tiêu dùng tín chấp cán bộ công nhân viên chi nhánh yêu cầu mua bảo hiểm 100% và một số khoản vay đối với lĩnh vực nông nghiệp nông thôn yêu cầu một số khách hàng mua bảo hiểm con người đối với các khoản vay lớn và có nguy cơ rủi ro cao... Số tiền Bảo hiểm: là khoản dư nợ vay (bao gồm lãi đến hạn) tại ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm.

**Bảng 2.6 Thống kê về bảo hiểm tín dụng KHCN tại Vietinbank – Đắk Nông**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Danh mục bảo hiểm tín dụng	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tiêu dùng	10.100,0	15.022,0	30.480,0
NNTN	20.375,0	34.688,0	66.158,0
Thương nghiệp	5.689,0	10.899,0	18.179,0
<b>Tổng</b>	<b>36.164,0</b>	<b>60.609,0</b>	<b>114.817</b>

*(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)*

### ✚ Đa dạng hóa danh mục cho vay:

**Bảng 2.7: Mức độ đa dạng hóa về lĩnh vực trong cho vay KHCN giai đoạn năm 2011 - 2013**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng, giảm	
				2012/2011	2013/2012
Phục vụ dịch vụ	8.976,0	11.898,0	18.365,0	32,6%	54,4%
Phục vụ NNTN	9.620,0	86.927,0	196.158,0	803,6%	125,7%
Phục vụ thương nghiệp	34.430,0	118.804,0	138.179,0	245,1%	16,3%
Phục vụ tiêu dùng	28.203,0	28.999,0	50.480,0	2,8%	74,1%
Phục vụ y tế	140,0	140,0	140,0	0,0%	0,0%
Khác	2.160,0	3.844,0	684,0	78,0%	-82,2%

*(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)*

Chính đặc thù địa lý và kinh tế tại Đắk Nông, lĩnh vực cho vay được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông ưu tiên phát triển là cho vay phục vụ Nông nghiệp nông thôn và phục vụ thương nghiệp. Biện pháp này giúp ngân hàng giảm thiểu được rủi ro, nhưng do cho vay tập trung nhiều vào một vài ngành nên chưa phân tán được rủi ro.

#### 🚧 Phân loại nợ và trích lập dự phòng

Phân loại nợ: Hàng quý, ít nhất một lần, chi nhánh phải xếp hạng lại các khoản nợ cho phù hợp với tình hình thực tế.

Trích lập quỹ dự phòng xử lý rủi ro: trích lập dự phòng rủi ro theo mức độ gia tăng rủi ro nhằm hạn chế tổn thất tín dụng.

#### 🚧 Biện pháp đảm bảo tiền vay

Về đảm bảo tiền vay: thực hiện cho vay có tài sản đảm bảo là chủ yếu. Tuy nhiên, tỷ trọng cho vay không có tài sản đảm bảo giao động ở mức 20% tổng dư nợ do chi nhánh thực hiện cho vay đồng tài trợ không có tài sản đảm bảo đối với các dự án cho vay đồng tài trợ và cho vay tín chấp đối với một số cán bộ nhân viên (tỷ trọng < 1%).

**Bảng 2.8: Loại tài sản đảm bảo của các khoản vay KHCN giai đoạn năm 2011 – 2013**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	KHCN	Tỷ trọng	KHCN	Tỷ trọng	KHCN	Tỷ trọng
Giấy tờ có giá	2.744,9	3,3%	7.235,5	2,9%	10.276,2	2,5%
Nhà thông thường	4.115,2	4,9%	15.233,8	6,1%	19.453,1	4,8%
Vườn cây ăn quả, cây công nghiệp	18.867,5	22,6%	59.608,0	23,8%	105.256,6	26,1%
Quyền sử dụng đất xây dựng	44.953,4	53,8%	136.873,5	54,6%	221.426,6	54,8%
BDS khác	289,7	0,3%	1.769,2	0,7%	2.852,0	0,7%
<b>Tổng BDS</b>	<b>68.225,7</b>	<b>81,7%</b>	<b>213.484,5</b>	<b>85,2%</b>	<b>348.988,2</b>	<b>86,4%</b>
Xe ô tô	5.762,7	6,9%	15.289,9	6,1%	22.872,6	5,7%
Xe tải	4.456,8	5,3%	10.371,7	4,1%	15.556,3	3,9%
Phương tiện khác	1.909,7	2,3%	3.729,8	1,5%	5.236,9	1,3%
Máy móc thiết bị	429,2	0,5%	500,6	0,2%	1.075,7	0,3%
<b>Tổng ĐS</b>	<b>12.558,4</b>	<b>15,0%</b>	<b>29.892,0</b>	<b>11,9%</b>	<b>44.741,5</b>	<b>11,1%</b>
<b>Tổng dư nợ</b>	<b>83.529,0</b>	<b>100,0%</b>	<b>250.612,0</b>	<b>100,0%</b>	<b>404.006,0</b>	<b>100,0%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính Vietinbank-Đất Nông năm 2011 – 2013)

Trong nhóm TSĐB được phép nhận thế chấp, Chi nhánh ưu tiên các tài sản là bất động sản và các tài sản có tính thanh khoản cao, chiếm trên 80% tổng dư nợ KHCN qua các năm.

### c. Quy trình cho vay

- ✚ Thẩm định khoản vay
- ✚ Giám sát khoản vay
- ✚ Xử lý nợ có vấn đề

### 2.2.3 Kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân

Dù mới đi vào hoạt động nhưng chi nhánh đã triển khai nhiều biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro nhằm giảm thiểu nợ xấu và kết quả đạt được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

**a. Tỷ lệ nợ quá hạn**

**Bảng 2.9: Nợ quá hạn theo nhóm 2011 - 2013**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
Tổng dư nợ	83.529,0	100	250.612,0	100	404.006,0	100
Tổng nợ quá hạn			27.366	100	77.326	100
NQH/ Tổng dư nợ			10,92%		19.14%	
Nhóm 2					41.013	53,04%
Nhóm 3			7.123	26,03%	25.200	32,59%
Nhóm 4			20.243	73,97%	10.032	12,97%
Nhóm 5					1.081	1.4%

(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)

Theo thống kê cho thấy nợ quá hạn theo nhóm trong năm 2012 có giá trị 27.366 triệu đồng chiếm 10,92% trong tổng dư nợ. Trong đó nhóm 3 chiếm 26,03% còn nhóm 4 chiếm 73,97%. Đến năm 2013, số lượng nợ quá hạn tăng lên rõ rệt với giá trị đạt 77.326 triệu đồng chiếm 19.14%. Cụ thể, nhóm 2 chiếm 53,04%, nhóm 3 chiếm 32,59%, nhóm 4 chiếm 12,97%, nhóm 5 chiếm 1.4%. Từ đây cho thấy công tác kiểm soát RRTD còn nhiều yếu kém đã dẫn đến nợ quá hạn ngày càng tăng qua các năm.

**b. Chỉ tiêu Khách hàng có nợ quá hạn**

**Bảng 2.10: Số lượng khách hàng có nợ quá hạn 2011 - 2013**

Đơn vị tính: Khách hàng

Khách hàng có nợ quá hạn	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Nhóm 1	-	-	-
Nhóm 2	-	-	2
Nhóm 3	-	1	2
Nhóm 4	-	1	2
Nhóm 5	-	-	1

(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)

Theo thống kê thì năm 2012 chỉ có hai khách hàng có nợ quá hạn và thuộc nợ nhóm 3 và nhóm 4. Trong năm 2013, số lượng khách hàng có nợ quá hạn tăng lên 7 khách hàng và phân bổ từ nợ nhóm 2 đến nhóm 5. Cho thấy số lượng khách hàng có nợ quá hạn tăng lên qua các năm. Cho thấy công tác kiểm soát rủi ro tín dụng chưa thật sự hiệu quả. Do đó, các cán bộ quản lý kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh cần chú ý và cần đưa ra giải pháp nhằm hạn chế rủi ro phát sinh trong thời gian tới.

**c. Biến động cơ cấu nhóm nợ**

**Bảng 2.11: Biến động tỷ lệ nợ nhóm 2 đến nhóm 5, nợ xấu của KHCN giai đoạn năm 2011 – 2013**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Chênh lệch			
				2012/2011		2013/2012	
				Số dư	%	Số dư	%
DN KHCN	83.529,0	250.612,0	404.006,0	167.083	200,0%	153.394	61,2%
Nhóm 1	83.529,0	250.253,0	398.189,0	166.724,0	199,6%	147.936,0	59,1%
Nhóm 2	-	-	1.557,0	-		1.557,0	
Nhóm 3	-	69,0	1.200,0	69,0		1.131,0	1.639,1%
Nhóm 4	-	290,0	3.000,0	290,0		2.710,0	934,5%
Nhóm 5	-	-	60,0	-		60,0	
Tổng nhóm 2 - 5	-	359,0	5.817,0	359,0		5.458,0	1.520,3%
<b>Nợ xấu</b>	-	<b>359,0</b>	<b>4.260,0</b>	<b>359,0</b>		<b>3.901,0</b>	<b>1.086,6%</b>

*(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)*

Tình hình dư nợ KHCN tăng mạnh và tăng đều trên các nhóm nợ. Trong đó, năm 2013 tỷ trọng nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 có xu hướng gia tăng mạnh tăng 1520,3% so năm 2012. Cho thấy chất lượng tín dụng KHCN ngày càng giảm.

**d. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu trong cho vay khách hàng cá nhân**  
**Bảng 2.12: Rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN giai đoạn**  
**năm 2011 – 2013**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng, giảm	
				2012/ 2011	2013/ 2012
<b>Tổng dư nợ</b>	<b>193.537,0</b>	<b>804.576,0</b>	<b>796.166,0</b>	<b>315,7%</b>	<b>-1,0%</b>
Dư nợ KHCN	83.529,0	250.612,0	404.006,0	200,0%	61,2%
Tổng nợ xấu	-	8.204,0	7.801,0	-	(4,9%)
Nợ xấu KHCN	-	359,0	4.261,0	-	1086,9%
Tỷ lệ nợ xấu KHCN/tổng dư nợ	-	0,045%	0,535%	-	0,49%
Tỷ lệ nợ xấu KHCN/tổng dư nợ KHCN	-	0,143%	1,055%	-	0,912%
Tỷ lệ nợ xấu KHCN/tổng nợ xấu	-	4,376%	54,621%	-	50,245%

*(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)*

Nợ xấu KHCN có xu hướng tăng. Tuy vẫn ở mức an toàn (so quy định Basel II tỷ lệ nợ xấu <3% tổng dư nợ) nhưng với tần suất tăng mạnh mẽ của nợ xấu KHCN trong giai đoạn vừa qua sẽ là mối rủi ro tiềm ẩn rất nguy hiểm cho hoạt động kinh doanh ngân hàng tại chi nhánh Đắk Nông. Và so sánh với mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu KHCN dưới 3% so với tổng nợ xấu đến năm 2013 thì kết quả thu được vẫn chưa đạt được những gì đã đề ra.



**e. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng chung, dự phòng cụ thể các khoản vay khách hàng cá nhân**

**Bảng 2.13: Biến động tỷ lệ trích lập dự phòng chung, dự phòng cụ thể các khoản vay KHCN**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng, giảm	
				2012/2011	2013/2012
Số trích lập DPRR	62,6	279,7	1.182,6	346,8%	322,8%
Dự phòng chung	62,6	187,7	298,6	199,8%	59,1%
Dự phòng cụ thể	-	92,0	884,0		860,9%

*(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)*

Số trích lập DPRR tăng mạnh qua các năm nổi bật là năm 2013, số trích lập DPRR là 1.182,6 triệu đồng tăng 322,8% năm 2012. Cho thấy, tỷ lệ nợ xấu KHCN ngày càng tăng rõ hơn trong từng nhóm nợ.

**f. Mức giảm tỷ lệ nợ xóa ròng**

**Bảng 2.14: Tỷ lệ xóa nợ ròng trong cho vay khách hàng cá nhân**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng dư nợ	83.529,0	250.612,0	404.006,0
Nợ xóa trong bảng	-	-	35,0
Thu hồi nợ xóa	-	-	-
Các khoản xóa nợ ròng	-	-	-
Tỷ lệ xóa nợ ròng	-	-	-

*(Nguồn: Phòng Tổng hợp Vietinbank-Đắk Nông)*

Năm 2011, 2012 chi nhánh hoạt động khá hiệu quả, mức nợ xấu phá sinh khá ít. Nhưng bước qua năm 2013, nợ xấu tăng khá mạnh trong đó nợ nhóm 5 là 60 triệu đồng. Trong đó, đánh giá lại mức rủi ro khả năng thu hồi với nhóm nợ này và chi nhánh đã thực hiện xóa nợ ròng 35 triệu đồng đối với khoản nợ không còn khả năng thu hồi vốn.

## **2.3 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

### **2.3.1 Kết quả đạt được**

- Tổ chức bộ máy kiểm soát RRTD trong cho vay một cách hợp lý.
- Chi nhánh thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm nợ xấu, kiểm soát tín dụng chặt chẽ, chú trọng đến chất lượng hơn là tăng trưởng dư nợ.
- Công tác xử lý nợ có vấn đề, đặc biệt là xử lý nợ xấu được chú trọng.
- Dự phòng RR cụ thể đủ để bù đắp tổn thất thiệt hại do RRTD trong cho vay gây ra.
- Thường xuyên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ tín dụng do ngân hàng tổ chức để nâng cao trình độ thẩm định phương án, dự án đầu tư cho CBTD.
- Hệ thống thông tin tín dụng ngày càng được hoàn thiện.

### **2.3.2 Tồn tại, hạn chế**

- Mục tiêu, kế hoạch kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho KHCN thực hiện chưa cụ thể và chưa hợp lý nên kết quả vẫn chưa đạt được.
- Chất lượng, hiệu quả hệ thống thông tin đạt được chưa cao, chưa như mong muốn.
- Sự tuân thủ quy trình tín dụng của Chi nhánh có những thời điểm chưa nghiêm và thiếu thận trọng.
- Quá trình kiểm tra giám sát sau khi cho vay vẫn chưa đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ.
- Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa được chuẩn bị kịp thời, số lượng cán bộ chủ chốt để đáp ứng cho hoạt động kinh doanh còn thiếu, đặc biệt cán bộ làm công tác tín dụng.

### **2.3.3 Nguyên nhân của những hạn chế**

- ✚ Các nguyên nhân xuất phát từ nhân tố bên ngoài

- Nền kinh tế gặp khó khăn: Lạm phát, lãi suất tăng cao, kinh tế suy trầm.

- Môi trường pháp lý: Hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện. Các văn bản pháp luật hiện nay còn có sự chồng chéo, trùng lặp.

- Hoạt động kinh tế của tỉnh Đắk Nông về cơ bản còn đơn điệu, cơ cấu ngành kinh tế còn thiếu đa dạng.

- Đối tượng khách hàng đa số là khách hàng hộ gia đình và cá nhân nhỏ lẻ khả năng kinh tế còn hạn chế, ngành nghề đa dạng do đó khó đánh giá trong thẩm định tín dụng và chất lượng thông tin được cung cấp vẫn còn chưa đạt yêu cầu.

✚ Các nguyên nhân xuất phát từ nhân tố bên trong

- Việc cụ thể hóa chính sách tín dụng KHCN vẫn còn nhiều điểm cần phải hoàn thiện.

- Quá trình quản trị RRTD của Chi nhánh vẫn còn có tính thụ động.

- Chi nhánh chưa xây dựng quy trình nhận dạng rủi ro và cảnh báo sớm rủi ro tín dụng.

- Chất lượng của đội ngũ cán bộ tín dụng tuy đã được nâng cấp nhưng vẫn còn nhiều mặt chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Hệ thống thông tin tín dụng vẫn còn nhiều bất cập biểu hiện chủ yếu ở quá trình thu thập thông tin đầu vào chưa thực sự đáng tin cậy.

- Việc thực thi công tác giám sát tín dụng tại Chi nhánh vẫn chưa mang tính độc lập và chưa phát huy được vai trò của mình.

- Quy mô tín dụng của Chi nhánh tuy không quá nhỏ nhưng chưa phải thuộc loại lớn nên cũng là một nguyên nhân gây khó khăn cho việc đa dạng hóa.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

### CHƯƠNG 3

## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

### 3.1 CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

#### 3.1.1 Định hướng phát triển chung

#### 3.1.2 Định hướng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân

### 3.2 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

#### 3.2.1 Các giải pháp nâng cao hiệu quả chất lượng kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân

##### *a. Hoàn thiện Tổ chức bộ máy cấp tín dụng & Quy trình tín dụng*

##### Về cơ cấu tổ chức bộ máy cấp tín dụng

Song song hoạt động của Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, thành lập Phòng Kiểm tra nội bộ tách biệt tại Chi nhánh để thực thi các chức năng trong khu vực quản lý.

Tại Chi nhánh, tổ chức Quản lý rủi ro tín dụng với chức năng tiếp nhận và thẩm định các đề nghị cấp tín dụng của khách hàng.

*Phân quyền:* Phòng Quản lý rủi ro chi nhánh xem xét và phê duyệt các trường hợp rủi ro tín dụng của Chi nhánh.

*Thẩm quyền phán quyết của Chi nhánh:* phân cấp, phân quyền là một yêu cầu trong công tác quản lý và đây cũng là một nghệ thuật bởi nếu có sự bất hợp lý trong phân cấp, phân quyền thì hoặc là dẫn đến sự

thụ động, ỷ lại, hoặc là sự quá trớn, không kiểm soát được Chi nhánh. Thẩm quyền phán quyết nên thực hiện theo hướng:

- Sử dụng hệ thống xếp hạng Chi nhánh để xác định thẩm quyền phán quyết.
- Giám thẩm quyền phán quyết của Chi nhánh đối với giới hạn tín dụng.

#### Về quy trình tín dụng

Quy trình tín dụng cho KHCN nên thực hiện theo hướng:

- Dựa trên yếu tố đặc thù của khách hàng, thống nhất quy trình tín dụng cho khách hàng cá nhân nhằm tạo sự tách biệt nhóm khách hàng này.
- Để đảm bảo tính khách quan và khả năng kiểm soát tuân thủ các nguyên tắc trong hoạt động cấp tín dụng, tác nghiệp giải ngân luôn cần thành lập thêm Phòng quản lý nợ để kiểm soát việc giải ngân của các khách hàng.
- Quy định về xác định giới hạn tín dụng cần chặt chẽ hơn, tránh tình trạng vận dụng không hợp lý và mang tính chủ quan.

#### ***b. Xây dựng chính sách tín dụng hiệu quả***

Xây dựng chính sách tín dụng trên cơ sở mục tiêu của chi nhánh phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội đặc thù của từng địa bàn của chi nhánh, đảm bảo cân bằng giữa mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro. Dựa trên cơ sở định hướng cần xây dựng một chính sách tín dụng hợp lý và hiệu quả, thỏa mãn các yêu cầu sau:

- Phấn ánh được chính sách tín dụng trong từng thời kỳ, đảm bảo sự quản lý thống nhất trên quan điểm tổng thể.
- Phù hợp với tính chất đặc thù của địa bàn đầu tư của Chi nhánh, phát huy được những thế mạnh của địa phương và có giải pháp hạn chế trong đầu tư tín dụng đối với những lĩnh vực, ngành nghề không có lợi thế trong cạnh tranh trong kinh doanh.

### ***c. Nâng cao hiệu quả hệ thống thông tin tín dụng***

- Xây dựng bộ máy đánh giá, phân tích, cập nhật thông tin tín dụng nhiều chiều tại chi nhánh. Bộ phận này có nhiệm vụ:

+ Trực tiếp tiếp nhận và xử lý thông tin khách hàng, thông tin giao dịch tín dụng và đưa ra cảnh báo sớm về các rủi ro tín dụng. Đồng thời trực tiếp cung cấp các thông tin pháp lý, tài chính, phi tài chính, thông tin về các khoản nợ... cung cấp thông tin cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Trung tâm CIC.

+ Là đầu mối thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các cơ sở ban ngành và các công ty tài chính, bảo hiểm, các ngành nghề có liên quan để có định hướng đầu tư đúng đắn trước khi đưa ra các phán quyết tín dụng.

- Mở rộng phạm vi đối tượng được đăng nhập và khai thác, sử dụng thông tin tín dụng của trung tâm CIC đối với các chi nhánh đến từng cán bộ tín dụng.

### **3.2.2 Các giải pháp nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng**

#### ***a. Nâng cao chất lượng thẩm định dự án, phương án kinh doanh***

Việc bổ nhiệm, phân công cán bộ cần phải dựa vào khả năng, thực lực của mỗi người, đồng thời phải có sự kết hợp chặt chẽ, cùng hợp tác giúp đỡ lẫn nhau để phát huy trình độ, kinh nghiệm và thế mạnh của mỗi cán bộ nhằm đạt được hiệu quả trong công tác thẩm định. Việc phân công công tác phải gắn chặt với trách nhiệm của mỗi cán bộ thẩm định và kết quả của mỗi dự án mà người đó đảm nhiệm vì như thế trách nhiệm của cán bộ thẩm định mới ngày càng được nâng cao.

Trong quá trình thẩm định dự án cần thẩm định uy tín, khả năng tài chính của khách hàng.

Quá trình thẩm định cần đánh giá dự án trên phương án động, các tình huống có thể xảy ra, trên cơ sở đó so sánh và đánh giá độ nhạy của dự án đó để xem xét quyết định cho vay.

***b. Quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình giải ngân và sau khi cho vay***

Thực hiện giải ngân theo đúng các quyết định cấp tín dụng và áp dụng phương thức thanh toán chuyển khoản để có thể kiểm soát việc sử dụng vốn vay của khách hàng.

Để phòng ngừa những rủi ro này, cần thực hiện kiểm soát chặt chẽ sau khi cho vay:

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay phù hợp với đặc thù của các khoản vay, chất lượng khách hàng.
- Trong kiểm tra sử dụng vốn, cần nghiêm túc thực hiện kiểm tra trên thực tế, có đánh giá về việc sử dụng vốn, về tài sản bảo đảm.
- Cần có sự phân tích và đánh giá kịp thời những dấu hiệu của rủi ro.
- Theo dõi chặt chẽ các nguồn tiền của khách hàng trên cơ sở xây dựng cơ chế tra soát đối với từng loại vay.

***c. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ***

Đồng thời với việc thiết lập cơ chế “*giám sát song song*” thông qua chức năng của Phòng Quản lý nợ, cần chú trọng công tác “*hậu kiểm*” của kiểm tra nội bộ để tăng cường khả năng kiểm soát tính tuân thủ trong hoạt động cấp tín dụng, giảm thiểu những rủi ro tín dụng.

**3.2.3 Giải pháp về nhân sự**

Nâng cao trách nhiệm của cán bộ tín dụng, gắn trách nhiệm với quyền lợi của các cán bộ làm công tác tín dụng. Chi nhánh nên áp dụng chính sách đãi ngộ hợp lý về tiền lương, tiền thưởng, hệ số tiền lương... Những cán bộ tín dụng vi phạm quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng, làm thất thoát vốn nhà nước phải xử lý nghiêm khắc. Những cán bộ tín dụng có đạo đức tốt, yêu ngành,... thì có chế độ khen thưởng như tăng lương trước hạn,...

Cán bộ tín dụng không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, thường xuyên tìm hiểu các ngành nghề lĩnh vực khác nhau để phục vụ

cho hoạt động tín dụng. Công tác đào tạo của chi nhánh cần tập trung vào một số vấn đề như sau: Tăng cường hình thức đào tạo tập trung, kết hợp hình thức tập huấn tại chỗ.

### **3.2.4 Các giải pháp hạn chế, bù đắp tổn thất khi xảy ra rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng cá nhân**

#### ***a. Tăng cường xử lý nợ quá hạn và nợ khó đòi***

Là biện pháp cuối cùng để hạn chế tối đa những khoản thiệt hại đã xảy ra. Việc xử lý nợ quá hạn, chi nhánh cần có những biện pháp cụ thể như:

- Phân tích nguyên nhân của khách hàng từ đó có biện pháp tháo gỡ.
- Đối với những khách hàng có nợ quá hạn có tính chất tạm thời, hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, chi nhánh xem xét khả năng trả nợ và phương án sản xuất kinh doanh trong thời gian tới để quyết định cho vay.

- Đối với khách hàng khó khăn về tài chính, kinh doanh thua lỗ, khó khắc phục, nợ quá hạn chưa xác định được nguồn trả nợ, chi nhánh cần quản lý chặt chẽ khoản vay và khách hàng.

#### ***b. Tăng cường và sử dụng có hiệu quả tài sản đảm bảo***

Để tăng tài sản đảm bảo trong cho vay chi nhánh cần có biện pháp sau:

- Yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo, ngoài tài sản của khách hàng có thể dùng các dự án đầu tư, phương án kinh doanh khả thi,... để bảo lãnh vay vốn ngân hàng.

- Giảm dần dư nợ nếu khách hàng không đáp ứng đủ điều kiện tài sản bảo đảm theo quy định của ngân hàng.

- Đối với việc nhận tài sản đảm bảo, chi nhánh cần thường xuyên xem xét tính hợp lệ, hợp pháp và tính thị trường của tài sản đó. Linh hoạt trong phạm vi cho phép đối với khách hàng có tín nhiệm, kinh nghiệm, kinh doanh hiệu quả.



### ***c. Đẩy mạnh phân tán rủi ro tín dụng***

Trong hoạt động tín dụng, rủi ro là điều khó tránh khỏi. Vậy làm thế nào để hạn chế thấp nhất rủi ro có thể xảy ra đồng thời đạt được mục tiêu lợi nhuận. Để thực hiện việc phân tán rủi ro, chi nhánh cần quan tâm đến phương thức sau: Đa dạng hóa phương thức cho vay; Đa dạng hóa khách hàng; Thực hiện mua bán nợ; Thực hiện bảo hiểm tín dụng.

#### **3.2.5 Các giải pháp khác**

Sử dụng các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro tín dụng.

### **3.3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

#### **3.3.1 Đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam**

#### **3.3.2 Đối với Ngân hàng Nhà nước**

#### **3.3.3 Đối với Chính phủ**

***a. Hoàn thiện hệ thống chính sách hiện hành***

***b. Hoàn thiện cơ chế pháp lý trong việc xử lý tài sản đảm bảo***

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

## KẾT LUẬN

Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay là hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính của các Ngân hàng thương mại Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Đề tài luận văn “Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đắk Nông” được chọn nghiên cứu để giải quyết một trong những vấn đề quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học và phân tích đánh giá tổng kết thực tiễn, về cơ bản luận văn đã hoàn thành được các nhiệm vụ sau:

- Luận văn đã khái quát hoá cơ sở lý thuyết cơ bản về hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại, rủi ro tín dụng trong cho vay của NHTM, nguyên nhân phát sinh và nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN của NHTM.

- Luận văn đã nghiên cứu thực trạng hoạt động của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Đắk Nông từ năm 2011 đến năm 2013, đi sâu phân tích, lý giải thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Đắk Nông, qua đó đánh giá nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay KHCN luận văn đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm quản lý nợ xấu có hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Đắk Nông trong thời gian tới.